

Số: 187 /KH-UBND

Gia Lâm, ngày 17 tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH

Tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2024 - 2025 trên địa bàn huyện Gia Lâm

Căn cứ các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT): Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020; Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020; Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020; Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GDĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017; Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019;

Căn cứ Kế hoạch số 150/KH-BCĐ ngày 14/5/2024 của Ban chỉ đạo thi, tuyển sinh năm 2024 về tổ chức thi, tuyển sinh vào lớp 10 THPT và tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 thành phố Hà Nội năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 963/SGDDĐT-QLT ngày 03/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2024-2025;

Theo Kế hoạch tuyển sinh của các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn huyện; UBND huyện Gia Lâm ban hành Kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2024-2025 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Tổ chức tuyển sinh đúng Quy chế, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, công khai tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập một năm trẻ mẫu giáo 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS.

2. Điều tra chính xác số trẻ ở từng độ tuổi trên địa bàn, phân tuyến và giao chỉ tiêu hợp lý, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh, tránh tình trạng quá tải ở một



số trường. Thực hiện công khai kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo năm rõ: tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

3. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm: tăng quy mô tuyển sinh, tăng chất lượng công tác tuyển sinh, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học; giảm số học sinh trái tuyển, giảm số học sinh/lớp; tăng số học sinh được học 2 buổi/ngày.

4. Các trường tuyệt đối không được vận động, quỳn góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

5. Cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trước cấp trên trực tiếp; thủ trưởng đơn vị là người chịu trách nhiệm cuối cùng về công tác tuyển sinh.

B. NỘI DUNG

I. Tuyển sinh vào các trường mầm non (MN)

1. Yêu cầu về tuyển sinh

1.1. Các trường thông báo công khai chỉ tiêu tuyển sinh, tuyển sinh, thời gian tuyển sinh trẻ MN ở từng độ tuổi và tổ chức tiếp nhận trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn dân cư theo quy định.

1.2. Phối hợp với UBND xã, thị trấn; các đơn vị khác trên địa bàn, dưới sự chỉ đạo của UBND xã, thị trấn, tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong các tổ dân phố, thôn, xóm về công tác tuyển sinh trong đó nêu rõ chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh ở từng độ tuổi để cha mẹ của trẻ hiểu rõ, tránh gây áp lực cho công tác tuyển sinh, đưa trẻ đến trường nhập học theo đúng độ tuổi và tuyển sinh quy định. Đảm bảo phổ cập giáo dục MN cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn.

1.3. Về số trẻ trong một nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ trường MN. Trường hợp số trẻ trên địa bàn đăng ký học vượt quá quy định tại Điều 15 thì số trẻ trong mỗi nhóm, lớp có thể tăng thêm nhưng phải đảm bảo được tỷ lệ số giáo viên/trẻ/nhóm, lớp theo quy định tại Điều lệ và diện tích phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em đảm bảo theo qui định.

2. Hồ sơ tuyển sinh

- Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu do trường tuyển sinh phát hành) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ.

3. Thời gian tuyển sinh

- Tuyển sinh trực tuyến trẻ 5 tuổi vào trường MN: Từ ngày 04/7/2024 đến hết ngày 06/7/2024;

- Tuyển sinh trực tiếp: Từ ngày 13/7/2024 đến hết ngày 18/7/2024.

4. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh (đính kèm phụ lục PL1a-tktsMN)

II. Tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6

1. Đối tượng dự tuyển:

1.1. Lớp 1: Tuổi của trẻ vào học lớp 1 là 6 tuổi (*sinh năm 2018*). Trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Tuyệt đối không nhận trẻ thiếu tuổi vào lớp 1.

1.2. Lớp 6: những HS đã hoàn thành chương trình tiểu học.

- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (*sinh năm 2013*)

- Những trường hợp đặc biệt:

+ Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào tiểu học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm hoàn thành chương trình tiểu học.

+ Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi qui định.

2. Hồ sơ tuyển sinh:

- Phiếu đăng ký dự tuyển vào lớp 1, lớp 6 (*theo mẫu do trường tuyển sinh phát hành*) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ.

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (*nếu có*).

3. Thời gian tuyển sinh

- Tuyển sinh trực tuyến vào lớp 1: Từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 03/7/2024.

- Tuyển sinh trực tuyến vào lớp 6: Từ ngày 07/7/2024 đến hết ngày 09/7/2024.

- Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: Từ ngày 13/7/2024 đến hết ngày 18/7/2024.

4. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh (đính kèm phụ lục PL1b_tkts1 và phụ lục PL1c_tkts6)

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Phân công trách nhiệm

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

1.1. Chỉ đạo và tổ chức việc phối hợp giữa UBND các xã, thị trấn với các nhà trường trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6; rà soát danh sách xã, tổ thôn, các khu dân cư, đô thị mới để đề nghị bổ sung, sửa đổi phục vụ phân tuyển tuyển sinh trên hệ thống phần mềm tuyển sinh; phân tuyển tuyển sinh hợp lý trên địa bàn, không để xảy ra hiện tượng quá tải ở các trường trên địa bàn. Số liệu điều tra về số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh của các trường trên địa bàn phải được UBND và Công an xã, thị trấn xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, là một cơ sở để Phòng GDĐT tham mưu UBND huyện trong công tác phân tuyển tuyển sinh.

1.2. Tổng hợp kế hoạch tuyển sinh của các trường trên địa bàn, tham mưu UBND huyện xây dựng Kế hoạch tuyển sinh theo hướng dẫn của Sở GDĐT, báo cáo Sở GDĐT về kế hoạch tuyển sinh đã được UBND huyện phê duyệt.

1.3. Triển khai kế hoạch tuyển sinh. Tổ chức hướng dẫn công tác tuyển sinh cho Hiệu trưởng các trường trên địa bàn.

1.4. Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của các trường.

1.5. Công khai việc phân tuyển tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, các quy định về độ tuổi, hồ sơ tuyển sinh tại các trường mầm non, tiểu học, THCS trên cổng thông tin điện tử của Ngành và phối hợp với UBND xã, thị trấn tuyên truyền, công khai trước khi bắt đầu tuyển sinh ít nhất 15 ngày để cha mẹ học sinh biết và chuẩn bị nộp hồ sơ nhập học cho học sinh tại các trường trên địa bàn.

1.6. Chỉ đạo các trường trên địa bàn tổ chức tuyển sinh theo đúng kế hoạch và hướng dẫn của Sở GDĐT, không tổ chức khảo sát học sinh đầu năm học, không tổ chức thi tuyển học sinh vào lớp 1. Kiểm soát chặt chẽ, hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến của các trường trên địa bàn, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao; đảm bảo số học sinh/lớp đúng quy định góp phần đẩy mạnh kế hoạch công nhận trường chuẩn quốc gia.

1.7. Tiếp tục nghiên cứu, phối hợp với các phòng, ban, ngành và tham mưu UBND huyện về công tác luân chuyển cán bộ, giáo viên, xây dựng thêm trường và phòng học (đối với những địa phương chưa đủ phòng học theo quy định), tăng cường CSVC cho những trường khó khăn để đảm bảo chất lượng,

nâng cao độ đồng đều giữa các trường. Không để xảy ra hiện tượng quá tải ở một số trường.

1.8. Thành lập Tổ công tác chỉ đạo và hỗ trợ công tác tuyển sinh trực tuyến vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2024-2025 trên địa bàn. Tiếp tục có biện pháp chỉ đạo các trường nhằm tăng cường tỷ lệ tuyển sinh trực tuyến. Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tuyển sinh của các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về công tác tuyển sinh.

1.9. Tham mưu UBND huyện chỉ đạo Công an trên địa bàn chủ động phối hợp với các trường trong công tác tuyển sinh; có phương án quản lý nhân khẩu, hộ khẩu hợp lý, thống nhất tạo điều kiện giúp cho công tác tuyển sinh của các trường được chính xác và khoa học.

2. Các trường MN, TH, THCS

2.1. Chủ động phối hợp với UBND và Công an xã, thị trấn trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh; chủ động xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp với điều kiện nhà trường và báo cáo về Phòng GDĐT. Tham gia đầy đủ Hội nghị hướng dẫn về công tác tuyển sinh do Sở GDĐT, phòng GDĐT tổ chức hướng dẫn.

2.2. Thông báo công khai tại trường tuyển sinh do UBND huyện quy định; chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định về độ tuổi, hồ sơ, thời gian tuyển sinh. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT về thực hiện công khai đối với cơ sở GDĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (*công khai về cam kết chất lượng GDĐT, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính*).

2.3. Hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh tự kê khai các thông tin phục vụ cho công tác tuyển sinh, trong đó có thông tin về cư trú của học sinh (*gồm số định danh cá nhân của học sinh, nơi thường trú, nơi ở hiện tại...theo mẫu M01*); không yêu cầu phải cung cấp Giấy xác nhận thông tin cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân của học sinh.

2.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về tuyển sinh trực tuyến và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID mức 2 để cung cấp thông tin về cư trú cho học sinh (*sử dụng VNeID của bố hoặc mẹ hoặc thành viên hộ gia đình có học sinh đăng ký tuyển sinh*).

2.5. Chuẩn bị cơ sở vật chất; thành lập Tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh trực tuyến của trường.

2.6. Thành lập Hội đồng tuyển sinh của trường trình Trường phòng GDĐT huyện ra Quyết định thành lập, thành phần gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng, thư ký và một số ủy viên. Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh, đảm bảo khách quan, công khai và công bằng, tuyển đúng chỉ tiêu được giao.

2.7. Tổ chức cấp Mã tuyển sinh cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh, hướng dẫn cha mẹ học sinh kiểm tra thông tin cá nhân, kết quả tuyển sinh của học sinh theo đúng quy định; đảm bảo bảo mật thông tin Mã tuyển sinh và mật khẩu; đảm bảo thông tin cá nhân và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh phải chính xác và thống nhất giữa sổ điểm điện tử với hồ sơ học sinh; bố trí bộ phận thường trực hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ xử lý những khó khăn của học sinh, cha mẹ học sinh về Mã tuyển sinh và các nội dung khác về tuyển sinh theo quy định.

2.8. Tổ chức tuyển sinh:

a) Khi tiếp nhận hồ sơ của học sinh, cán bộ tuyển sinh phải kiểm tra kỹ hồ sơ, đặc biệt phải kiểm tra sự trùng khớp của các thông tin về cá nhân học sinh như: họ tên, ngày sinh, nơi sinh, số định danh cá nhân...trong Giấy khai sinh, Học bạ (*đối với lớp 6*). Nếu thấy trùng khớp cán bộ tuyển sinh phải ghi xác nhận vào mặt sau bản sao Giấy khai sinh **“Đã kiểm tra khớp thông tin học sinh với bản chính hồ sơ tuyển sinh”**, sau đó ký và ghi rõ họ tên; Hiệu trưởng ký và đóng dấu xác nhận. Bản sao Giấy khai sinh có xác nhận này sẽ là căn cứ để ghi vào hồ sơ học tập, cấp văn bằng chứng chỉ cho học sinh sau này. Cán bộ tuyển sinh và Hiệu trưởng phải chịu trách nhiệm về việc kiểm tra và xác nhận trên.

b) Trong thời gian tuyển sinh các trường tuyệt đối không được thu hoặc vận động cha mẹ học sinh đóng góp các khoản ngoài quy định cho nhà trường.

c) Thực hiện nghiêm túc quy định, quy trình tuyển sinh và hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao.

2.9. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh nhà trường phân công các thành viên trực trong thời gian tuyển sinh để hướng dẫn, giải quyết kịp thời các khó khăn thắc mắc, tạo thuận lợi cho cha mẹ học sinh.

2.10. Bảo mật thông tin cá nhân của các học sinh dự tuyển năm học 2024-2025 và thông tin các học sinh khác của nhà trường theo quy định.

2.11. Kết thúc tuyển sinh các trường lập danh sách học sinh đã tuyển thông qua hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến, gửi kết quả tuyển sinh cho UBND xã, thị trấn và báo cáo với phòng GDĐT.

3. Công an huyện

3.1. Chỉ đạo Công an các xã, thị trấn chủ động phối hợp với các nhà trường trong công tác tuyển sinh; có phương án quản lý nhân khẩu, hộ khẩu hợp lý, thống nhất, tạo điều kiện giúp cho công tác tuyển sinh của các nhà trường được chính xác và khoa học.

3.2. Chỉ đạo Công an các xã, thị trấn phối hợp, tạo điều kiện cho các nhà trường tổ chức điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn đảm bảo chính xác, làm cơ sở để phân tuyến tuyển sinh một cách khoa học. Số liệu điều tra về số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh của các trường trên địa bàn phải được Công an xã, thị trấn xác thực (*theo mẫu M02*) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, là một cơ sở để Phòng GDĐT tham mưu UBND huyện trong công tác phân tuyến tuyển sinh.

3.3. Tăng cường phối hợp với Phòng GDĐT trong công tác kiểm tra về tuyển sinh trên địa bàn; đảm bảo công tác tuyển sinh trên địa bàn được ổn định, an toàn, khách quan, minh bạch.

4. Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện

4.1. Phối hợp trong công tác điều tra số trẻ trên địa bàn, xác nhận kế hoạch tuyển sinh của các trường; giám sát công tác tuyển sinh tại các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã, thị trấn.

4.2. Có trách nhiệm tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về công tác tuyển sinh, phối hợp với các ngành đảm bảo an ninh, trật tự trong thời gian tuyển sinh.

II. Lịch triển khai và chế độ báo cáo

Thời gian	Đơn vị	Nội dung	Ghi chú
Trước ngày 15/4	Trường MN, TH, THCS	Rà soát, hoàn thiện thông tin học sinh phục vụ tuyển sinh trên hệ thống tuyển sinh trực tuyến (Số định danh cá nhân của học sinh, họ tên, ngày sinh, nơi sinh, hộ khẩu thường trú, nơi cư trú thực tiễn...)	Đã hoàn thành
Chậm nhất ngày 26/4	Trường MN, TH, THCS	Hoàn thiện công tác điều tra cơ bản số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh (<i>theo mẫu M02</i>)	Đã hoàn thành
Ngày 05/5	Trường MN, TH, THCS	Gửi công văn đề nghị Danh sách hội đồng tuyển sinh về Phòng GDĐT	Đã hoàn thành

Trước ngày 10/5	Trường MN, TH, THCS	Nộp kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025 và danh sách học sinh trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn (<i>theo mẫu M02</i>) về Phòng GDĐT	Đã hoàn thành
Ngày 18/5	Trường MN, TH, THCS	Nhận tại Phòng GDĐT Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh đã được UBND Huyện phê duyệt.	
Trước ngày 25/5	Trường MN, TH, THCS	Hoàn thành cấp mã Tuyển sinh cho cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh	
Ngày 25/5	Phòng GDĐT	Hoàn thành cập nhật phân tuyến và chỉ tiêu tuyển sinh của các trường trên địa bàn vào hệ thống tuyển sinh trực tuyến; tổ chức kiểm dò, in, ký xác nhận và nộp Sở GDĐT. Báo cáo về Sở GDĐT Kế hoạch tuyển sinh của huyện.	
Từ 26/5 đến 12/7	Trường ngoài công lập	Tổ chức tuyển sinh và cập nhật trực tiếp hồ sơ học sinh lên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến.	
Từ 10/6-12/6	Sở GDĐT, Phòng GDĐT	Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến (<i>lần 1</i>)	
Trước ngày 15/6	Phòng GDĐT	Hoàn thiện cập nhật điều chỉnh phân tuyến, chỉ tiêu trong hệ thống tuyển sinh (nếu có)	
Từ 16/6-18/6	Sở GDĐT, Phòng GDĐT, các trường, CMHS	Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến toàn Thành phố (<i>lần 2</i>) Sở GDĐT đóng hệ thống tuyển sinh trực tuyến từ 19/6 đến 30/6 để chuẩn bị vận hành chính thức.	
Từ 01/7-09/7	Trường MN, TH, THCS	Tuyển sinh trực tuyến: - Tuyển sinh vào lớp 1: từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 03/7/2024. - Tuyển sinh trẻ 5 tuổi vào trường mầm non: từ ngày 04/7/2024 đến hết ngày 06/7/2024. - Tuyển sinh vào lớp 6: từ ngày 07/7/2024 đến hết ngày 09/7/2024.	
Từ 13/7-18/7	Trường MN, TH, THCS	Tuyển sinh trực tiếp vào các trường MN, lớp 1, lớp 6	

Chậm nhất ngày 19/7	Trường MN, TH, THCS	- Phối hợp với Công an cấp xã trên địa bàn hoàn thành việc xác minh thông tin cư trú của học sinh cần xác minh. - Báo cáo phòng GDĐT kết quả tuyển sinh; đề xuất được tuyển bổ sung nếu còn chỉ tiêu.	
Ngày 20/7	Phòng GDĐT	- Phê duyệt đề xuất tuyển sinh bổ sung. - Báo cáo nhanh Sở GDĐT kết quả tuyển sinh; đề xuất tuyển sinh bổ sung cho các trường còn chỉ tiêu.	
Từ 21/7-22/7	Trường MN, TH, THCS	Tuyển sinh trực tiếp vào trường mầm non, lớp 1, lớp 6 (đợt bổ sung - nếu có).	
Chậm nhất ngày 23/7	Trường MN, TH, THCS	Hoàn thành cập nhật dữ liệu tuyển sinh vào phần mềm sổ điểm điện tử.	
Ngày 26/7	Trường MN, TH, THCS	Nộp Phòng GDĐT báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh.	
Ngày 31/7	Phòng GDĐT	Nộp Sở GDĐT báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh.	

Trên đây là kế hoạch tuyển sinh vào các trường MN, lớp 1, lớp 6 trên địa bàn huyện Gia Lâm năm học 2024-2025. Trong quá trình tổ chức thực hiện, khi có những vấn đề vướng mắc, Thủ trưởng các đơn vị cần báo cáo về UBND huyện (qua Phòng GDĐT) để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Hà Nội;
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- Công an huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các bộ phận phòng GDĐT;
- HĐTS trường MN, TH, THCS;
- Lưu: VT, PGDĐT.



Trương Văn Học

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH MẦM NON NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm theo Kế hoạch số 4.871/KH-UBND ngày 17/10/2024 của UBND huyện Gia Lâm)

TT	Trường	Tổng số lớp					Số trẻ tuyển mới					TS sau tuyển sinh	Tỷ lệ trẻ/lớp				Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực
		5	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng số	Nhà trẻ 2022	MG 3 tuổi 2021	MG 4 tuổi 2020	MG 5 tuổi 2019	Tổng số		Nhà trẻ 2022	MG 3 tuổi 2021	MG 4 tuổi 2020	MG 5 tuổi 2019	
1	Phù Đồng	3	6	6	6	21	84	60	25	5	174	675	28,0	26,7	33,8	38,0	Xã Phù Đồng
2	Trung Mẫu	2	3	3	3	11	38	17	25	6	86	352	28,0	28,0	34,0	35,3	Xã Trung Mẫu
3	Yên Viên	2	3	3	4	12	56	24	8	7	95	383	28,0	28,0	35,7	31,5	Tổ Ga, Tổ Vân, Tổ Liên Cơ, Yên Hà, Tiền Phong, Yên Tân
4	Ánh Dương	2	3	3	3	11	56	20	12	4	92	365	28,0	29,0	32,3	36,7	Xã Yên Viên: Công Thôn; Kim Quan; Hồ Cầu Đuống, Cơ Khí Yên Viên; TT Yên Viên: Tổ Ga; Tổ Thái Bình, Đuống I, Đuống II
5	Hoa Sữa	3	4	3	3	13	75	28	18	8	129	371	25,0	25,0	31,7	33,7	Thôn Ái Mộ, Yên Viên, Lã Côi, Bưu Điện, Địa Chất, Hồ Cầu Đuống, Đầu Máy, Hóa Chất - Xã Yên Viên
6	Đình Xuyên	3	5	5	5	18	80	58	55	4	197	530	26,7	26,2	32,4	31,4	Xã Đình Xuyên
7	Dương Hà	2	4	4	3	13	41	30	25	5	101	375	28,0	23,8	30,0	31,7	Xã Dương Hà
8	Yên Thường	3	4	4	4	15	65	47	12	8	132	461	26,0	28,0	34,5	31,3	Thôn Xuân Dục, Yên Khê, Liên đàm, Lại Hoàng
9	Hoa Hồng	2	3	4	4	13	55	28	37	7	127	392	27,5	28,7	30,0	32,8	Thôn Đình Vỹ, Đỗ Xá, Yên Thường, Quy Mông, Trùng Quán, Dốc Lã
10	Ninh Hiệp	3	4	5	5	17	43	24	45	12	124	480	25,0	25,0	30,0	31,0	Thôn 1,2,3,4,5,6 xã Ninh Hiệp
11	Bình Minh	3	5	5	4	17	75	41	30	5	151	487	25,0	25,0	29,4	35,0	Thôn 5,6,7,8,9 xã Ninh Hiệp
12	Dương Xá	3	5	6	5	19	80	33	35	3	151	580	26,7	28,0	29,2	37,0	Xã Dương Xá
13	Kim Sơn	2	4	5	5	16	56	46	20	7	129	535	28,0	28,3	33,8	39,4	Xã Kim Sơn
14	Dương Quang	3	6	7	6	22	85	64	16	11	176	650	28,3	26,7	27,9	35,0	Xã Dương Quang
15	Phú Thị	3	4	5	5	17	62	48	27	13	150	500	27,3	28,0	30,8	30,4	Xã Phú Thị
16	Cổ Bi	3	5	4	5	17	60	52	15	9	136	500	27,3	24,0	32,5	33,6	Thôn cam 1, Cam 2, Thôn vàng 1, Vàng 2, Thôn hội, Tổ DP Số 1
17	Trâu Quỳ	3	4	5	6	18	82	35	39	30	186	573	27,3	28,8	33,4	33,7	TDP Chính Trung, TDP An Lạc, TDP Thành Trung, TDP Kiên Thành, TDP Cửu Việt, TDP Nông Lâm - TT Trâu Quỳ
18	Quang Trung	2	2	3	3	10	50	10	25	9	94	323	25,0	30,0	32,3	36,0	TDP Cửu Việt, TDP Nông Lâm, TDP An Đào, TDP Đào Nguyên - TT Trâu Quỳ
19	Đặng Xá	3	5	5	5	18	75	39	39	5	158	538	28,0	27,0	32,0	29,6	Các thôn trong Xã Đặng Xá, khu đô thị Đặng Xá
20	Ánh Sao	2	4	4	5	15	54	75	39	31	199	488	27,0	29,0	33,0	37,2	Khu đô thị Đặng Xá - xã Đặng Xá

21	Hoa Phượng	2	3	3	3	11	37	45	28	10	120	371	26,0	33,3	35,0	38,0	TDP Voi Phục, TDP Kiên Trung, TDP Bình Minh, TDP 1,2,3,4 ĐT Đặng Xá - xã Cổ Bi
22	Lệ Chi	4	5	5	6	20	94	30	10	11	145	632	27,5	28,0	34,0	31,7	Xã Lệ Chi
23	Văn Đức	3	4	4	3	14	61	19	16	3	99	445	28,0	28,0	34,0	36,7	Xã Văn Đức
24	Đa Tốn	6	9	9	10	34	153	177	91	127	548	1080	27,7	28,6	31,1	35,4	Xã Đa Tốn
25	Đông Dư	2	4	3	4	13	56	36	15	10	117	461	28,0	27,5	40,0	36,5	Xã Đông Dư
26	Bát Tràng	3	4	4	5	16	84	38	10	15	147	558	28,0	28,0	33,0	35,6	Xã Bát Tràng
27	Kim Lan	3	3	3	3	12	46	10	11	12	79	433	28,0	33,0	37,0	39,0	Xã Kim Lan
28	Kiều Kỳ	3	3	4	4	14	59	10	10	8	87	460	28,0	31,0	33,3	33,0	Xã Kiêu Kỳ
Tổng số CL		78	118	124	127	447	1803	1218	946	383	4350	13644	28,3	29,3	33,4	34,8	

UBND HUYỆN GIA LÂM
(Mẫu Phụ lục 1a)

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH MẦM NON NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 17/10/2024 của UBND huyện Gia Lâm)

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn					Số HS hiện có trong trường của năm học 2023-2024					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2024-2025					Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường,)
			Số HS trong độ tuổi nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
1	2	3	4	5	6	7	$8=4+5+6+7$	9	10	11	12	$13=9+10+11+12$	14	15	16	17	$18=14+15+16+17$	19
Công lập	1	Phù Đổng	196	201	224	227	848	0	100	178	223	501	84	60	25	5	174	xã Phù Đổng
	2	Trung Mậu	82	107	108	124	421	18	67	77	100	262	38	17	25	6	86	Xã Trung Mậu
	3	Yên Viên	103	122	147	171	543	0	60	99	119	278	56	24	8	7	95	Tổ Ga, Tổ Vân, Tổ Liên Cơ, Yên Hà, Tiền Phong, Yên Tân
	4	Ánh Dương	125	120	127	126	498	0	67	85	106	258	56	20	12	4	92	xã Yên Viên: Công Thôn; Kim Quan; Hồ Cầu Đuống, Cơ Khí Yên Viên; TT Yên Viên: Tổ Ga; Tổ Thái Bình, Đuống I, Đuống II
	5	Hoa Sữa	105	122	119	101	447	0	72	77	93	242	75	28	18	8	129	Thôn Ái Mộ, Yên Viên, Lã Côi, Bưu Điện, Địa Chất, Hồ Cầu Đuống, Đầu Máy, Hóa Chất - Xã Yên Viên
	6	Đình Xuyên	174	172	182	194	722	0	73	107	153	333	80	58	55	4	197	Xã Đình Xuyên
	7	Dương Hà	90	103	124	109	426	15	65	95	90	265	41	30	25	5	101	xã Dương Hà
	8	Yên Thường	125	126	133	125	509	13	65	126	117	321	65	47	12	8	132	Thôn Xuân Dục, Yên Khê, Liên đàm, Lại Hoàng

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn					Số HS hiện có trong trường của năm học 2023-2024					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2024-2025					Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường,)
			Số HS trong độ tuổi nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
	9	Hoa Hồng	59	89	121	140	409	0	58	83	124	265	55	28	37	7	127	Thôn Đình Vỹ, Đỗ Xá, Yên Thường, Quy Mông, Trùng Quán, Dốc Lã
	10	Ninh Hiệp	153	171	190	198	712	32	76	105	143	356	43	24	45	12	124	Thôn 1,2,3,4,5,6 xã Ninh Hiệp
	11	Bình Minh	140	166	189	208	703	0	84	117	135	336	75	41	30	5	151	Thôn 5,6,7,8,9 xã Ninh Hiệp
	12	Dương Xá	152	219	212	185	768	0	107	140	182	429	80	33	35	3	151	Xã Dương Xá
	13	Kim Sơn	187	212	205	210	814	0	67	149	190	406	56	46	20	7	129	Xã Kim Sơn
	14	Dương Quang	112	180	195	210	697	0	96	179	199	474	85	64	16	11	176	Xã Dương Quang
	15	Phú Thị	102	128	170	152	552	20	64	127	139	350	62	48	27	13	150	Xã Phú Thị
	16	Cổ Bi	206	209	197	242	854	22	68	115	159	364	60	52	15	9	136	Thôn cam 1, Cam 2, Thôn vàng 1, Vàng 2, Thôn hội, Tổ DP cơ khí
	17	Trâu Quỳ	154	288	359	398	1199	0	80	128	172	380	82	35	39	30	186	TDP Chính Trung, TDP An Lạc, TDP Thành Trung, , TDP Kiên Thành, TDP Cửu Việt, TDP Nông Lâm - TT Trâu Quỳ
	18	Quang Trung	84	95	85	81	345	0	50	72	99	221	50	10	25	9	94	TDP Cửu Việt, TDP Nông Lâm, TDP An Đào, TDP Đào Nguyên - TT Trâu Quỳ
	19	Đặng Xá	287	290	309	375	1261	9	96	121	143	369	75	39	39	5	158	Các thôn trong Xã Đặng Xá, khu đô thị Đặng Xá
	20	Ánh Sao	287	290	309	375	1261	0	41	93	155	289	54	75	39	31	199	Khu đô thị Đặng Xá - xã Đặng Xá

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn					Số HS hiện có trong trường của năm học 2023-2024					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2024-2025					Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường,)
			Số HS trong độ tuổi nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
	21	Hoa Phượng	148	152	165	218	683	15	55	77	104	251	37	45	28	10	120	TDP Voi Phục, TDP Kiên Trung, TDP Bình Minh, TDP 1,2,3,4 ĐT Đặng Xá - xã CỎ BÌ
	22	Lệ Chi	158	165	177	190	690	16	110	160	179	465	94	30	10	11	145	Xã Lệ Chi
	23	Văn Đức	87	112	136	124	459	23	93	120	107	343	61	19	16	3	99	Xã Văn Đức
	24	Đa Tốn	209	302	300	374	1185	13	80	189	227	509	153	177	91	127	548	Xã Đa Tốn
	25	Đông Dur	102	110	132	146	490	0	74	105	136	315	56	36	15	10	117	Xã Đông Dur
	26	Bát Tràng	106	130	140	196	572	0	74	122	163	359	84	38	10	15	147	Xã Bát Tràng
	27	Kim Lan	98	99	108	115	420	38	89	100	105	332	46	10	11	12	79	Xã Kim Lan
	28	Kiều Ky	110	174	222	227	733	25	83	123	124	355	59	10	10	8	87	Xã Kiêu Ky
Tổng Công lập			3941	4654	5085	5541	19221	259	2114	3269	3986	9628	1862	1144	738	385	4129	
Ngoài CL	1	TT Ban Mai						36	22	19	25	102	20	20	10	10	60	
	2	TT Hoa Sen						29	7	15	11	62	15	16	15	10	56	
	3	TT Hoa Hồng						20	34	32	62	148	12	10	10	10	42	
	4	MN A- Đxá						10	0	0	10	20	12	20	30	30	92	
	5	TT Sao Mai						44	34	21	23	122	10	10	15	20	55	
	6	Vinshool Ocean park 1						39	90	76	145	350	60	70	65	55	250	
		Vinshool Ocean park 2						108	132	113	168	521	60	50	50	50	210	
Tổng Ngoài CL			0	0	0	0	0	286	319	276	444	1325	189	196	195	185	555	
Tổng Quận, Huyện			3941	4654	5085	5541	19221	545	2433	3545	4430	10953	2051	1340	933	570	4684	

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 1 NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo kế hoạch số 181/KH-UBND, ngày 17/5/2024 của UBND huyện Gia Lâm)

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường,)	Số HS/Lớp	Ghi chú
				Số lớp	Số HS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Công lập	1	TH Yên Thường	184	5	184	Thôn Yên Thường, Dốc Lã, Quy Mông, Trùng Quán, Yên Khê, Đình Vỹ, Đổ Xá xã Yên Thường	36,8	
	2	TH Quang Trung	140	3	140	Thôn Xuân Dục, Liên Đàm, Lại Hoàng xã Yên Thường	46,7	
	3	TH Yên Viên	125	3	109	Thôn Lã Côi (TT Hóa chất, Tập thể Đầu máy, TT Bộ đội), thôn Yên Viên, thôn Ái Mộ, TDP Bưu điện, TDP Địa chất, Khu tái định cư tổ Yên Hà xã	36,3	
	4	TH TT Yên Viên	182	6	182	TDP Yên Tân, Tiên Phong, Vân, Liên Cơ, Yên Hà TT Yên Viên; TDP Yên Bình xã Đình Xuyên	30,3	
	5	TH Tiên Phong	210	6	210	Thôn Kim Quan, Thôn Cống Thôn, TDP Cơ khí Yên Viên, TDP Hồ Cầu Đuống xã Yên Viên; TDP Thái Bình, Ga, Đuống 1, Đuống 2 TT Yên Viên.	35	
	6	TH Đình Xuyên	164	4	164	Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3, Thôn Tế Xuyên 1, Thôn Tế Xuyên 2 xã Đình Xuyên	41	
	7	TH Dương Hà	113	3	113	Xã Dương Hà	37,7	
	8	TH Lê Ngọc Hân	162	5	160	Thôn 6,7,8,9 Xã Ninh Hiệp	32	
	9	TH Ninh Hiệp	183	5	160	Thôn 1,2,3,4,5 xã Ninh Hiệp	32	
	10	TH Phù Đổng	215	6	215	Thôn Phù Dực 1, Phù Dực 2, Phù Đổng 1, Phù Đổng 2, Phù Đổng 3, Đổng Viên	35,8	
	11	TH Trung Mậu	90	3	90	Xã Trung Mậu	30	
	12	TH Lệ Chi	162	4	162	Xã Lệ Chi	40,5	
	13	TH Kim Sơn	235	6	235	Xã Kim Sơn, Đường 181	39,2	
	14	TH Dương Quang	207	5	207	Xã Dương Quang	41,4	
	15	TH Phú Thị	155	4	155	Xã Phú Thị và Khu Công nghiệp Phú Thị	38,8	
	16	TH Dương Xá	238	6	238	Xã Dương Xá	39,7	

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường,)	Số HS/Lớp	Ghi chú
				Số lớp	Số HS			
	17	TH Đặng Xá	155	4	155	Thôn Kim Âu, An Đà, Cự Đà, Đặng, Lờ, Lờ, Đồng Xuyên, Hoàng Long, Viên Ngoại, Nhân Lễ xã Đặng Xá	38,8	
	18	TH Cổ Bi	142	4	142	Thôn Cam, Vàng, Hội, TDP cơ khí, TT230, TT Hồng Hà, TT Cầu 12 xã Cổ Bi	35,5	
	19	TH Trung Thành	134	4	134	TDP Khu đô thị Đặng xá thuộc xã Cổ Bi, TDP Bình Minh, Voi Phục thuộc TT Trâu Quỳ	33,5	
	20	TH Cao Bá Quát	298	7	298	Tổ dân phố khu đô thị Đặng xã thuộc xã Đặng Xá	42,6	
	21	TH Kiều Ky	210	6	210	Xã Kiều Ky	35	
	22	TH Đa Tốn	541	10	440	Xã Đa Tốn	44	
	23	TH TT Trâu Quỳ	210	5	210	TDP: Cừ Việt, Đào Nguyên, Chính Trung, Kiên Thành, Khu 72ha dốc Hội Chính Trung, toà Ru By Vin Ocaen Park thuộc thị trấn Trâu Quỳ, Chung cư Blusta thị trấn Trâu Quỳ	42	
	24	TH Nông Nghiệp	231	5	231	TDP: Nông Lâm, Vườn Dâu, An Đào, An Lạc, Thành Trung, toà S10,11,12 Vin Ocaen Park thị trấn Trâu Quỳ	46,2	
	25	TH Đông Dư	106	3	106	xã Đông Dư	35,3	
	26	TH Bát Tràng	220	5	220	Xã Bát Tràng	44	
	27	TH Kim Lan	89	3	96	xã Kim Lan	32	
	28	TH Văn Đức	130	3	129	Xã Văn Đức	43	
	Tổng C.lập		5231	133	5095		38,3	
Ngoài CL	1	TH&THCS Hanoi Victoria		4	80	Toàn Thành phố	20	
	2	TH,THCS&THPT Vinschool Ocean Park		12	384	Toàn Thành phố	32	
	3	Brighton College Việt Nam Ocean Park		3	60	Toàn Thành phố	20	
	Tổng Ngoài CL		0	19	524		27,6	
Tổng Quận, Huyện			5231	152	5619		37	

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 6 NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo kế hoạch số ~~187~~/KH-UBND ngày 17/5/2024 của UBND huyện Gia Lâm)

Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường,)	Số HS/Lớp	Ghi chú
				Số lớp	Số HS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Công lập	1	THCS Lệ Chi	191	5	185	Xã Lệ Chi	37	
	2	THCS Kim Sơn	264	6	250	Xã Kim Sơn	41,7	
	3	THCS Phú Thị	205	5	205	Xã Phú Thị	41	
	4	THCS Dương Quang	264	6	264	Xã Dương Quang	44	
	5	THCS Dương Xá	279	6	279	Xã Dương Xá	46,5	
	6	THCS Đặng Xá	194	5	194	Trên địa bàn xã Đặng Xá gồm: Thôn Đồng Xuyên, Hoàng Long, Viên Ngoại, Nhân Lễ, Lòi, Lờ, Đặng, An Đà, Cự Đà, Kim Âu	38,8	
	7	THCS Cổ Bi	282	6	282	Các thôn, TDP thuộc địa bàn xã Cổ Bi. TDP Voi Phục, Bình Minh, 1 phần TDP Kiên Thành (TDP Kiên Trung cũ) thuộc thị trấn Trâu Quỳ.	47	
	8	THCS Cao Bá Quát	350	8	350	Các TDP Khu đô thị Đặng Xá thuộc xã Đặng Xá	44	
	9	THCS Văn Đức	120	3	120	Xã Văn Đức	40	
	10	THCS Kim Lan	120	3	120	Xã Kim Lan	40	
	11	THCS Bát Tràng	192	5	192	Xã Bát Tràng	38,4	
	12	THCS Đông Dư	115	3	115	Xã Đông Dư	38,3	
	13	THCS Đa Tốn	434	9	434	Xã Đa Tốn	48,2	
	14	THCS Kiều Kỵ	250	6	250	Xã Kiều Kỵ	41,7	
	15	THCS TT Trâu Quỳ	477	11	477	Thị trấn Trâu Quỳ	43,4	



Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường,)	Số HS/Lớp	Ghi chú
				Số lớp	Số HS			
	16	THCS TT Yên Viên	405	9	405	- 09 TDP thuộc TT Yên Viên: Đuống I, Đuống II, Thái Bình, Ga, Vân, Yên Hà, Yên Tân, Tiền Phong, Liên Cơ - Khu TT nhà máy cơ khí Yên Viên, Khu TT Giấy da Yên Viên, thôn Kim Quan, thôn Công Thôn thuộc xã Yên Viên - TDP Yên Bình thuộc xã Đình Xuyên	45	
	17	THCS Yên Viên	150	4	150	Thôn Lã Côi, thôn Ái Mộ, thôn Yên Viên, TDP Bưu điện, TDP Địa chất, TDP Hồ cầu Đuống xã Yên Viên	37,5	
	18	THCS Yên Thường	343	7	343	Xã Yên Thường	49	
	19	THCS Đình Xuyên	159	4	159	Xã Đình Xuyên	39,8	
	20	THCS Dương Hà	125	3	125	Xã Dương Hà	41,7	
	21	THCS Ninh Hiệp	392	8	392	Xã Ninh Hiệp	49	
	22	THCS Phù Đổng	252	6	252	Xã Phù Đổng	42	
	23	THCS Trung Mầu	124	3	123	Xã Trung Mầu	41	
Tổng công lập			5685	131	5664		43,2	
Ngoài CL	1	TH, THCS & THPT Brighton College Việt Nam - Ocean Park		3	60	Tuyển sinh toàn thành phố	20	
	2	TH, THCS HaNoiVictoria		2	50	Tuyển sinh toàn thành phố	25	
	3	TH, THCS & THPT Vinschool Ocean Park		8	320	Tuyển sinh toàn thành phố	40	
Tổng ngoài CL			0	13	430		33,1	
Tổng Quận, Huyện			5685	144	6094		42,3	